TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **822**/2023/QĐST-HNGĐ	*T, ngày 25 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 569/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Phú T, sinh năm 1977; địa chỉ: 2608 L, Phường 1M1, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trung là: Ông Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1991; Địa chỉ: 528 C, Phường M, quận T, TP.Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền số 004505 quyển số 02/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/5/2022).

- *Bị đơn*: Bà Đại Đa T, sinh năm 1976; địa chỉ: 198/8 T, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 8 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 8 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Phạm Phú T và bà Đại Đa T thuận tình ly hôn.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1.Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Phú T và bà Đại Đa T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 159/2001, quyển số 1/P11 ngày 06/8/2001 do Ủy ban nhân dân Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông T và bà

P không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2.2.Về con chung: Hai bên cùng xác nhận vợ chồng có 03 con chung tên Phạm Nguyễn Ngọc O, sinh ngày 09/01/2002; Phạm Nguyễn Hoàng O, sinh ngày 19/6/2005 và Phạm Nguyễn Khiết O, sinh ngày 18/10/2006. Khi ly hôn, hai bên thỏa thuận giao con chung tên Phạm Nguyễn Khiết O, sinh ngày 18/10/2006 cho bà P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà P không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Phạm Nguyễn Ngọc O và Phạm Nguyễn Hoàng O đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Ông T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.3. Về quan hệ tài sản:

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đình chỉ đối với yêu cầu của ông Phạm Phú T về việc chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Bị đơn bà Đại Đa T không có yêu cầu phản tố phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết lại vụ án (đối với tài sản chung của vợ chồng) theo quy định tại khoản 1 Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nợ chung: Hai bên khai không có.

2.4. Về án phí:

Án phí hôn nhân sơ thẩm: 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng do ông T tự nguyện chịu, được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà ông T đã nộp theo Biên lai thu số 0035602 ngày 19 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn trả lại cho ông T 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai trên.

Án phí dân sự sơ thẩm: Hoàn trả lại cho ông Phạm Phú T số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 14.000.000 (mười bốn triệu) đồng theo Biên lai thu số 0035601 ngày 19 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q. T;
- Chi cục THADS Q. T;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án (Oanh).

THẨM PHÁN

(đã ký)

Trần Văn Chinh